

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Kỹ thuật chế biến món ăn
Môn thi: **Thực hành**

Đợt thi: **Tháng 12/2025**

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	001	Nguyễn Trọng	Lộc	CĐBE03N02	66.5	Sáu sáu năm	
2	002	Đỗ Chí	Thuận	CĐBE03N02	58.5	Năm tám năm	
3	003	Lâu Phát	Mỹ	CĐBE03N06	65.0	Sáu năm	
4	004	Nguyễn Tứ	Duy	CĐBE03N07	71.0	Bảy một	
5	005	Hàng Ngọc Thanh	Liêm	CĐBE03N07	52.5	Năm hai năm	
6	006	Bùi Huy	Hoàng	CĐBE03N08	66.0	Sáu sáu	
7	007	Nguyễn Phúc	Tín	CĐBE03N08	61.5	Sáu một năm	
8	008	Phạm Ngân Hải	Vi	CĐBE03N09	69.5	Sáu chín năm	
9	009	Trương Thị Ngân	Huệ	CĐBE04N01	67.0	Sáu bảy	
10	010	Hồng Ngọc	Thảo	CĐBE04N01	69.5	Sáu chín năm	
11	011	Đặng Nguyễn	Tính	CĐBE04N01	61.0	Sáu một	
12	012	Võ Tuấn	Anh	CĐBE04N02	71.5	Bảy một năm	
13	013	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	CĐBE04N02	73.5	Bảy ba năm	
14	014	Nguyễn Võ Duy	Anh	CĐBE04N03	62.5	Sáu hai năm	
15	015	Trương Tuấn	Vỹ	CĐBE04N03	65.0	Sáu năm	
16	016	Phạm Thị Hoàng	Yến	CĐBE04N03	70.0	Bảy không	
17	017	Nguyễn Phước	Lộc	CĐBE04N04	58.5	Năm tám năm	
18	018	Võ Tấn	Phát	CĐBE04N04	61.0	Sáu một	
19	019	Trần Hồng	Quang	CĐBE04N04	37.5	Ba bảy năm	
20	020	Phạm Bá	Thắng	CĐBE04N04	64.5	Sáu bốn năm	
21	021	Lý Minh	Tiến	CĐBE04N04	73.0	Bảy ba	
22	022	Đinh Thị Thùy	Trang	CĐBE04N04	0.0	Không	
23	023	Chu Nguyễn Hoài	Ân	CĐBE04N05	45.5	Bốn năm năm	
24	024	Nguyễn Đức	Luân	CĐBE04N05	71.5	Bảy một năm	
25	025	Nguyễn Bảo	Ngọc	CĐBE04N05	77.0	Bảy bảy	
26	026	Lê Thị Ý	Nhi	CĐBE04N05	69.0	Sáu chín	
27	027	Hoàng Minh	Thuận	CĐBE04N05	40.0	Bốn không	